

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030; Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 2692/QĐ-TTg ngày 11/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong lĩnh vực giao thông thông minh”;
- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/7/2025 của Tỉnh ủy Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số của Sở khoa học và Công nghệ được giao tại: Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Tỉnh ủy về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, thực chất, bền vững trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ. Góp phần đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành xây dựng Chính quyền số, hình thành Chính quyền thông minh vận hành trên nền tảng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, hướng tới mô hình quản trị chủ động, dự báo, lấy người dùng làm trung tâm.

- Các hoạt động cơ bản của ngành khoa học và công nghệ được thực hiện trên các nền tảng số tập trung, thống nhất và liên thông tạo lập hệ sinh thái số đồng bộ, hiện đại; đồng thời bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và góp phần giữ vững chủ quyền số quốc gia. AI trở thành công cụ cốt lõi trong quản trị công, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ ra quyết định chính sách, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp.

- Góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh

*** Giai đoạn 2026-2027**

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện trực tuyến toàn trình.

- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Triển khai hệ thống đặt lịch hẹn giải quyết TTHC trực tuyến qua ứng dụng di động (App), Web và Ki-ốt cấp số tự động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Tối thiểu 50% Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã triển khai tiếp nhận người dân theo hình thức đặt lịch hẹn trực tuyến.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng.

- 70% dữ liệu mở công bố trên địa bàn tỉnh được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% các ứng dụng, nền tảng do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, triển khai được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- 100% Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã triển khai hệ thống đặt lịch hẹn trực tuyến và Ki-ốt cấp số tự động. Tối thiểu 70% lượt giao dịch TTHC trực tiếp tại cấp xã được thực hiện thông qua hình thức đặt lịch hẹn.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

*** Giai đoạn 2026-2027**

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương triển khai đến cấp tỉnh, cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

- 100% chế độ báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức Sở Khoa học và Công nghệ được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% công chức, viên chức Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện được theo dõi,

quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu thuộc Sở được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, triển khai được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.

- 100% các hệ thống thông tin do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, triển khai sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

2.2 Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế

*** Giai đoạn 2026-2027**

- Tỷ trọng kinh tế số tỉnh Quảng Ngãi đạt tối thiểu 15% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đạt tối thiểu 10%.

- Trên 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng số.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- Theo dõi, tham mưu thúc đẩy tỷ trọng kinh tế số tỉnh Quảng Ngãi đạt tối thiểu 30% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đạt tối thiểu 20%.

- Trên 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng số

2.3 Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

*** Giai đoạn 2026-2027**

- 80% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Tối thiểu 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Tối thiểu 80% người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 85% dân số.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh đạt 60%.

- Trên 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- 85% người dân trên địa bàn tỉnh có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- 95% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.
- Tối thiểu 95% người dân trên địa bàn tỉnh biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh đạt 90%.
- Trên 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- 100% người dân trên địa bàn tỉnh có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số

(Phân công theo dõi, thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Phụ lục I kèm theo)

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tham mưu tăng cường công tác chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì.
- Thể chế, cụ thể các văn bản chỉ đạo, quyết định, kế hoạch của cấp trên về Chuyển đổi số phù hợp với nhiệm vụ và tình hình của Sở Khoa học và Công nghệ để triển khai chuyển đổi số toàn diện ngành khoa học và công nghệ.
- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, đơn vị thuộc Sở trong công tác chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số.
- Tham mưu triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thực hiện đo lường, giám sát các hệ thống, dịch vụ phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.
- Tham mưu UBND tỉnh hàng năm tổ chức Đoàn công tác kiểm tra trực tiếp các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh về công tác Chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách

- Tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành để thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và yêu cầu phát triển Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi.

- Tham mưu UBND tỉnh cập nhật danh mục các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh trong chuyển đổi số.

- Triển khai áp dụng hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong dịch vụ công trực tuyến, làm rõ khái niệm, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá mức độ cá thể hóa, chủ động, gợi ý hành động,... Hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của tỉnh; Tiêu chuẩn quốc gia về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến; Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- Ban hành các kế hoạch, quyết định, văn bản nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ về chuyển đổi số được UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Phát triển hạ tầng số

- Triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng và đơn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo các nền tảng, ứng dụng dùng chung của tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu.

- Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn tối thiểu Tier 3, đáp ứng tiêu chuẩn điện toán đám mây, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai “Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030”.

- Chỉ đạo, đơn đốc các Doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh triển khai phủ sóng 5G tại 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch.

- Rà soát, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông kiên cố, bền vững, phù hợp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong đó có tính đến đặc điểm địa hình, loại hình thiên tai thường xuất hiện tại các khu vực.

- Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả, bảo đảm quốc phòng an ninh.

4. Phát triển nhân lực số

- Phối hợp Công an tỉnh triển khai cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ

năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số.

- Triển khai và phối hợp các đơn vị, địa phương triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Phối hợp các đơn vị, địa phương tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì.

- Triển khai khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

- Phối hợp các đơn vị, địa phương tổ chức bồi dưỡng nâng cao tư duy chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo các cấp; Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về kỹ năng số.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ. Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; triển khai hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ bảo đảm dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sòng - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Phối hợp Công an tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch công bố dữ liệu mở cấp tỉnh, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành.

- Thu thập, chuẩn hóa và khai thác dữ liệu phát sinh từ hệ thống đặt lịch hẹn giải quyết TTHC và Ki-ốt cấp số tự động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để phục vụ phân tích, đánh giá chất lượng phục vụ và cải cách hành chính.

6. Bảo đảm an ninh mạng

- Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân

trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn về quy trình, biện pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn đối với việc quản lý, lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng và triển khai.

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng và triển khai được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ (Mô hình 4 lớp).

7. Chính quyền số

- Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai đến cấp tỉnh.

- Rà soát, đánh giá tính hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh; Tăng cường xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách bảo đảm tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh dựa trên dữ liệu.

- Tham mưu UBND tỉnh đưa vào hoạt động chính thức Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi bảo đảm ứng dụng công nghệ tiên tiến (AI, IoT, 5G,...); tích hợp các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành bảo đảm tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và phục vụ công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Tham mưu UBND tỉnh đầu tư đồng bộ trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư, trang bị trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên ngành đảm bảo phục vụ công tác chuyển đổi số tại Sở Khoa học và Công nghệ.

- Phối hợp Công an tỉnh tham mưu xây dựng Nền tảng AI cấp tỉnh theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng.

- Triển khai hệ thống phần mềm đặt lịch hẹn giải quyết TTHC trực tuyến qua ứng dụng di động (App), Web, kết nối với hệ thống tiếp nhận và giải quyết TTHC. Đầu tư, lắp đặt Ki-ốt cấp số tự động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; kết nối, đồng bộ với hệ thống đặt lịch hẹn nhằm phân luồng, điều phối tiếp nhận người dân theo thời gian thực. Ứng dụng dữ liệu từ hệ thống đặt lịch hẹn và Ki-ốt cấp số để giám sát thời gian chờ, lưu lượng phục vụ, mức độ hài lòng, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Tham mưu UBND tỉnh chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy

nhANH TIẾN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DOANH NGHIỆP.

- Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn).

- Tiếp tục tham mưu và triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” rộng khắp trên địa bàn tỉnh; cung cấp các khóa học trực tuyến mở để Nhân dân có thể dễ dàng tiếp cận; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin cho người dân và doanh nghiệp; hỗ trợ người dân sử dụng chữ ký số cá nhân.

- Phối hợp, hỗ trợ các địa phương phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng ở địa phương trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số phổ biến, thanh toán không dùng tiền mặt, tương tác trên các sàn thương mại điện tử để từng bước hình thành văn hóa số.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số đến các cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng¹.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 1004/KH-SKHCN ngày 21/5/2025 về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Duy trì hoạt động hiệu quả chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi; Trang thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ, zalo OA, fanpage Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên các nền tảng số do Sở chủ trì.

- Xây dựng, biên tập, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu truyền thông liên quan tới Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị cũng như các

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 24/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh,...

quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghiên cứu xây dựng, biên tập, xuất bản các tài liệu về kỹ năng truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sử dụng chung cho các đối tượng và theo chủ đề, chuyên đề phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang, sổ tay,... về chuyển đổi số với nhiều ngôn ngữ, chữ viết khác nhau dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

- Xây dựng kho tài nguyên truyền thông số phục vụ hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tích hợp với các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành; phát triển, duy trì cổng “Bình dân học vụ số”.

- Tổ chức tập huấn, lớp “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Tuyên truyền việc phát triển ngành công nghiệp ICT và các doanh nghiệp công nghệ số: Xây dựng cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp và các khu công nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong sản xuất công nghiệp; xây dựng, triển khai hệ thống quản lý thông minh trong các KCN, KKT.

- Truyền thông về các mô hình, điển hình trong hoạt động hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp; Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp để tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức và kỹ năng số, giúp người dân tiếp cận với các dịch vụ số, nền tảng số.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ đặt lịch hẹn giải quyết TTHC trực tuyến và Ki-ốt cấp số tự động thông qua các kênh truyền thông số, Tổ công nghệ số cộng đồng.

10. Hợp tác quốc tế và trong nước

- Phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai chương trình hợp tác quốc tế; Hợp tác với các địa phương trong nước; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức các chương trình học hỏi kinh nghiệm, mô hình chuyển đổi số hiệu quả của các tỉnh, thành phố để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ, đầu tư hợp pháp khác.

2. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở chủ động đề xuất kinh phí giai đoạn và hằng năm gửi Văn phòng Sở tổng hợp tham mưu.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số

- Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm (*trước ngày 10/12*) tham mưu Lãnh đạo Sở báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả triển khai thực hiện.

- Tham mưu Lãnh đạo Sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc; mô hình chuyển đổi số tiêu biểu góp phần mang lại hiệu quả trong công cuộc chuyển đổi số cũng như đóng góp phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Văn phòng Sở

Trên cơ sở nhu cầu và đề xuất của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, Văn phòng Sở tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

3. Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tham mưu Lãnh đạo Sở triển khai có hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung do phòng, đơn vị chủ trì tham mưu; triển khai, thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thuộc lĩnh vực quản lý của phòng, đơn vị để thúc đẩy phát triển chuyển đổi số toàn diện trong ngành khoa học và công nghệ, góp phần thúc đẩy phát triển chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của phòng, đơn vị để đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hướng tới toàn trình.

- Triển khai rà soát, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân; rà soát, đơn giản hóa các chế độ báo cáo, cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu. Triển khai các chính sách, quy định của Chính phủ, bộ, ngành Trung

ương và của tỉnh về khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số, Chính quyền số.

- Triển khai truyền thông và tổ chức thực hiện tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia và Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi, để bảo đảm mọi dự án về dữ liệu phải tuân thủ kiến trúc này để bảo đảm tính đồng bộ và khả năng liên thông.

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của bộ, ngành, địa phương về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của phòng, đơn vị.

- Tích cực tham gia các sáng kiến về Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các ngành, địa phương nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch này để xây dựng dự toán, đề xuất kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, kế hoạch khác có liên quan.

- Định kỳ hằng năm (*trước ngày 30/11*) báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này về Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số.

5. Các doanh nghiệp Công nghệ số, doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh: Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, chủ động phối hợp, đồng hành với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở để triển khai đạt hiệu quả các nhiệm vụ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc kịp thời báo cáo Lãnh đạo Sở (*qua Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số*) để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP, BCVT&CDS.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Liêm

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SKHCN ngày tháng năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị chủ trì tham mưu triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
A	Giai đoạn 2026-2027			
I	Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
I.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh			
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện trực tuyến toàn trình.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	100%	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	Văn phòng Sở
3	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.	95%	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ	100%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
5	Triển khai hệ thống đặt lịch hẹn giải quyết TTHC trực tuyến qua ứng dụng di động (App), Web và Ki-ốt cấp số tự động tại	50%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	UBND các xã, phường, đặc khu; Trung tâm Chuyển

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị chủ trì tham mưu triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã			đổi số và Đổi mới sáng tạo
I.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương triển khai đến cấp tỉnh, cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn tỉnh	100%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc	100%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ chế độ báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức Sở Khoa học và Công nghệ được đào tạo kỹ năng số cơ bản	100%	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế			
1	Tỷ trọng kinh tế số	15%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh; Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
2	Tỷ trọng kinh tế số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ	10%	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	Văn phòng Sở
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	50%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị chủ trì tham mưu triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
1	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	80%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn tỉnh có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	50%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	80%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Tỷ lệ dân số được phủ sóng Mạng băng rộng di động 5G	85%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh	60%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	80%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
7	Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số	85%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị chủ trì tham mưu triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
B	Giai đoạn 2028-2030			
I	Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
I.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh			
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.	99%	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ	100%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng.	50%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
4	Tỷ lệ dữ liệu mở công bố trên địa bàn tỉnh được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố	70%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ được số hóa.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
6	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	100%	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị chủ trì tham mưu triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
7	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, triển khai được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	100%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo
8	Triển khai hệ thống đặt lịch hẹn giải quyết TTHC trực tuyến qua ứng dụng di động (App), Web và Ki-ốt cấp số tự động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	100%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	UBND các xã, phường, đặc khu; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo
I.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	Đạt	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc	100%	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
3	Tỷ lệ các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
4	Tỷ lệ nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số	100%	Văn phòng Sở	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
5	Tỷ lệ các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số	100%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
6	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	100%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
7	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số do	100%	Phòng Bưu chính – Viễn	Trung tâm Chuyển đổi số

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị chủ trì tham mưu triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, triển khai được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ		thông và Chuyển đổi số	và Đổi mới sáng tạo; Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
8	Tỷ lệ các hệ thống thông tin do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, triển khai sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	100%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo; Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế			
1	Tỷ trọng kinh tế số GRDP	30%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
2	Tỷ trọng kinh tế số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ	20%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	70%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
1	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	95%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các Nhân hàng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn tỉnh có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	70%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh biết kỹ năng về công nghệ thông tin	95%	Phòng Bưu chính – Viễn	Các sở, ban, ngành; UBND

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị chủ trì tham mưu triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
	và truyền thông		thông và Chuyển đổi số	các xã, phường, đặc khu
4	Tỷ lệ dân số được phủ sóng Mạng băng rộng di động 5G	99%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh	90%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	95%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
7	Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số	100%	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày tháng năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số				
1	Tham mưu tăng cường công tác chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh và Ban chỉ đạo; Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất	Năm 2026 - 2030
2	Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, đơn vị thuộc Sở trong công tác chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Người đứng đầu các phòng, đơn vị thuộc Sở đi đầu trong các hoạt động chuyển đổi số của Sở, của Tỉnh; Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất của các phòng, đơn vị	Năm 2026 - 2030
3	Tham mưu triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ	Phòng Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo,	Năm 2028 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	Chuyên đổi số và Đổi mới sáng tạo		chuyên đổi số và Đề án 06	
4	Thực hiện đo lường, giám sát các hệ thống, dịch vụ phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo kết quả thực hiện đo lường, giám sát định kỳ và đột xuất	Năm 2026 - 2030
5	Tham mưu UBND tỉnh hằng năm tổ chức Đoàn công tác kiểm tra trực tiếp các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh về công tác Chuyển đổi số	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo; Văn phòng Sở	Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ, đột xuất	Năm 2026 - 2030
II	Thế chế, chính sách số				
1	Tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo; Văn phòng Sở	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2026
2	Tham mưu UBND tỉnh ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành để thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Chỉ thị; Quyết định; Kế hoạch; văn bản triển khai của Tỉnh ủy, UBND tỉnh	Năm 2026 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
3	Triển khai áp dụng hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong dịch vụ công trực tuyến, làm rõ khái niệm, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá mức độ cá thể hóa, chủ động, gợi ý hành động, ... Hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của tỉnh; Tiêu chuẩn quốc gia về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến; Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Văn bản triển khai, giải pháp truyền thông về Tiêu chuẩn, Quy chuẩn, Hướng dẫn kỹ thuật được ban hành	Năm 2026-2030
4	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và yêu cầu phát triển Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2026
5	Tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh trong chuyển đổi số	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định ban hành chính sách phù hợp yêu cầu và tình trên địa bàn tỉnh	Năm 2026-2027
6	Ban hành các kế hoạch, quyết định, văn bản nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ về chuyển đổi số được UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Sở Khoa học và Công	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các văn bản, kế hoạch, quyết định của Sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ về Chuyển đổi số; các báo cáo	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	nghệ			định kỳ và đột xuất	
III	Phát triển hạ tầng số				
1	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai “Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030”	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2026-2030
2	Triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng và đơn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo các nền tảng, ứng dụng dùng chung của tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn tối thiểu Tier 3, đáp ứng tiêu chuẩn điện toán đám mây, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của tỉnh	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2028
4	Chỉ đạo, đơn đốc các Doanh nghiệp Viễn	Phòng Bưu chính	Sở Văn hóa, Thể	Báo cáo kết quả thực	Năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	thông trên địa bàn tỉnh triển khai phủ sóng 5G tại 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch	– Viễn thông và Chuyển đổi số	thao và Du lịch; UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp Viễn thông; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	hiện	2026-2030
5	Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tại địa phương nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp Viễn thông; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030
6	Rà soát, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông (trạm BTS,...) kiên cố, bền vững, phù hợp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong đó có tính đến đặc điểm địa hình, loại hình thiên tai thường xuất hiện tại các khu vực.	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp Viễn thông	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030
IV	Phát triển nhân lực số				
1	Phối hợp Công an tỉnh triển khai cung cấp	Phòng Bưu chính	Trung tâm Chuyên	Báo cáo	Năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số	– Viện thông và Chuyển đổi số	đổi số và Đổi mới sáng tạo	thực hiện	2026-2030
2	Triển khai và phối hợp các đơn vị, địa phương triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Phối hợp các đơn vị, địa phương tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
4	Triển khai khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số, AI vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Sở Nội vụ; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Tháng 12/2026
5	Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số; Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi và bảo đảm an ninh mạng.	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Sở Nội vụ; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
6	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số	Văn phòng Sở; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
V	Phát triển dữ liệu số				
1	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ. Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Dữ liệu các lĩnh vực khoa học và công nghệ được tạo lập, số hóa	Năm 2026-2030
2	Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; triển khai hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ bảo đảm dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch công bố dữ liệu mở cấp tỉnh, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Quyết định ban hành danh mục dữ liệu mở	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành	Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo			
VI	Bảo đảm an ninh mạng				
1	Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn về quy trình, biện pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn đối với việc quản lý, lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng và triển khai	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Tuân thủ các Văn bản triển khai, giải pháp truyền thông về quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn của các cơ quan chức năng	Năm 2026
2	Đảm bảo 100% hệ thống thông tin do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng và triển khai được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ (Mô hình 4 lớp)	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo triển khai	Năm 2026
VII	Chính quyền số				
1	Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai đến cấp tỉnh	Phòng Bru chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ và bảo đảm kế hoạch triển khai của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
2	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
3	Rà soát, tính hiệu quả triển khai để xây dựng kế hoạch nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả hoạt động; Tăng cường xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách đảm bảo tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh dựa trên dữ liệu	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
4	Đưa vào hoạt động chính thức Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo ứng dụng công nghệ AI, IoT, 5G, vệ tinh, UAV,... tiên tiến; tích hợp các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành đảm bảo tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và phục vụ	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ; đáp ứng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và phục vụ công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số				
5	Tham mưu Đề án đầu tư đồng bộ trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Đảm bảo hạ tầng và trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động các cơ quan nhà nước	Năm 2026-2027
6	Phối hợp Công an tỉnh tham mưu xây dựng Nền tảng AI cấp tỉnh theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng.	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
7	Đầu tư, trang bị trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên ngành đảm bảo phục vụ công tác chuyển đổi số tại Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Sở	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Đảm bảo hạ tầng và trang thiết bị CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số của Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026-2027
8	Hệ thống phần mềm đặt lịch hẹn giải quyết TTHC online qua ứng dụng mobile (app), web; và Kiot cấp số tự động cho Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	UBND các xã, phường, đặc khu; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Hệ thống vận hành ổn định; báo cáo đánh giá hiệu quả, mức độ hài lòng của người dân	2026–2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
VIII	Kinh tế số và xã hội số				
1	Tham mưu UBND tỉnh chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong doanh nghiệp	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Sở Tài chính; Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Quyết định ban hành và triển khai chính sách	Năm 2026-2027
2	Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn).	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Sở Tài chính; UBND các xã, phường, đặc khu; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Báo cáo kết quả chuyển đổi số doanh nghiệp	Năm 2026-2030
3	Tiếp tục tham mưu và triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” rộng khắp trên địa bàn tỉnh; cung cấp các khóa học trực tuyến mở để Nhân dân có thể dễ dàng tiếp cận; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin cho người dân và doanh nghiệp; hỗ trợ người dân sử dụng chữ ký số	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”	Năm 2026-2027

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	cá nhân				
11	Phối hợp, hỗ trợ các địa phương phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng ở địa phương trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số phổ biến, thanh toán không dùng tiền mặt, tương tác trên các sàn thương mại điện tử để từng bước hình thành văn hóa số	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh	Năm 2026-2030
IX	Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin				
1	Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số đến các cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các Ban biên tập thuộc Sở; Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số được truyền thông rộng rãi trên các nền tảng số của Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026-2030
2	Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng của tỉnh tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 24/04/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch hành	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các Ban biên tập thuộc Sở; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số được truyền thông rộng rãi trên các nền tảng số của Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi...				
3	Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 1004/KH-SKHCN ngày 21/5/2025 về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Triển khai thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các Ban biên tập thuộc Sở; Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Văn phòng Sở	Báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch số 1004/KH-SKHCN ngày 21/5/2025; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh	Năm 2026-2030
4	Duy trì hoạt động hiệu quả chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi; Trang thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ, zalo OA, fanpage Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên các nền tảng số do Sở chủ trì	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các Ban biên tập thuộc Sở; Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Văn phòng Sở	Báo cáo kết quả truyền thông CDS sở Khoa học và công nghệ; Báo cáo kết quả truyền thông CDS tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2026-2030
5	Xây dựng, biên tập, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu truyền thông liên quan tới Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị cũng như các quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các Ban biên tập thuộc Sở; Phòng Quản lý Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Phòng Bưu chính –	Báo cáo kết quả truyền thông CDS sở Khoa học và công nghệ; Báo cáo kết quả truyền thông CDS tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo Nghị	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	số quốc gia. Nghiên cứu xây dựng, biên tập, xuất bản các tài liệu về kỹ năng truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sử dụng chung cho các đối tượng và theo chủ đề, chuyên đề phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau		Viện thông và Chuyển đổi số; Văn phòng Sở	quyết số 57-NQ/TW	
6	Xây dựng tài liệu, cẩm nang, sổ tay... về chuyển đổi số với nhiều ngôn ngữ, chữ viết khác nhau dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...)	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các Ban biên tập thuộc Sở; Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Văn phòng Sở	Báo cáo kết quả truyền thông CDS sở Khoa học và công nghệ	Năm 2026-2030
7	Xây dựng kho tài nguyên truyền thông số phục vụ hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tích hợp với các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành; phát triển, duy trì cổng “Bình dân học vụ số”	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các Ban biên tập thuộc Sở; Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Văn phòng Sở	Báo cáo kết quả truyền thông CDS sở Khoa học và công nghệ	Năm 2026-2030
8	Tổ chức tập huấn, lớp “học tập số”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo kết quả truyền thông CDS sở Khoa học và công nghệ	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.				
9	Tuyên truyền việc phát triển ngành công nghiệp ICT và các doanh nghiệp công nghệ số: Xây dựng cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp và các khu công nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong sản xuất công nghiệp; xây dựng, triển khai hệ thống quản lý thông minh trong các KCN, KKT	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo; Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Văn phòng Sở	Ban Quản lý KKT Dung quất và các KCN tỉnh; Sở Tài chính; các Ban biên tập thuộc Sở	Báo cáo kết quả chuyển đổi số doanh nghiệp	Năm 2026-2030
10	Truyền thông về các mô hình, điển hình trong hoạt động hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp; Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp để tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức và kỹ năng số, giúp người dân tiếp cận với các dịch vụ số, nền tảng số	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo; Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Văn phòng Sở	Các sở, ban, ngành; Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi	Báo cáo kết quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp	Năm 2026-2030
X	Hợp tác quốc tế và trong nước				
1	Phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai chương trình hợp tác quốc tế; Hợp tác với các địa phương trong nước; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện				
2	Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức các chương trình học hỏi kinh nghiệm, mô hình chuyển đổi số hiệu quả của các tỉnh, thành phố để nhân rộng trên địa bàn tỉnh	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành; Văn phòng Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
XI	Bảo đảm kinh phí				
1	Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ, đầu tư hợp pháp khác	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Đề xuất kinh phí chuyển đổi số của Sở Khoa học và Công nghệ; Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở chủ động đề xuất kinh phí giai đoạn và hằng năm gửi Văn phòng Sở tổng hợp tham mưu	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Văn phòng Sở; Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	Đề xuất kinh phí chuyển đổi số của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	Năm 2026-2030

Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SKHCN ngày tháng năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

DVT: Tỷ đồng

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Phòng, đơn vị chủ trì	Tổng mức kinh phí	Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn SN ĐP	Nguồn vốn khác (DN, PPP, ODA,...)	Phân kỳ thời gian triển khai					Chủ trương
				NSTW	NSDP			2026	2027	2028	2029	2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Phát triển Chính quyền số												
I.1	Phát triển Hạ tầng số												
1	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Ngãi; kiến trúc ICT tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	2			2		x	x	x	x	x	
2	Hạ tầng, thiết bị, ứng dụng CNTT, CDS Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Sở	1			1		x	x	x	x	x	
3	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn tối thiểu Tier 3 và Khu	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới	175		175			x	x	x			Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22/8/2025

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Phòng, đơn vị chủ trì	Tổng mức kinh phí	Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn SN ĐP	Nguồn vốn khác (DN, PPP, ODA,...)	Phân kỳ thời gian triển khai					Chủ trương
				NSTW	NSDP			2026	2027	2028	2029	2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	dịch vụ tập trung hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi	sáng tạo											
4	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Hệ sinh thái dữ liệu mở trên cơ sở các Kho dữ liệu hiện có, Công dữ liệu mở phục vụ chuyển đổi số tỉnh	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	50		50			x	x	x			Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
5	Đặt hàng Duy trì, vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh	Văn phòng Sở	20			20		x	x	x	x	x	
6	Duy trì, vận hành Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	15			15		x	x	x	x	x	

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Phòng, đơn vị chủ trì	Tổng mức kinh phí	Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn SN ĐP	Nguồn vốn khác (DN, PPP, ODA,...)	Phân kỳ thời gian triển khai					Chủ trương
				NSTW	NSDP			2026	2027	2028	2029	2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
7	Triển khai thí điểm Bản sao số trên địa bàn tỉnh	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	10			10			x				
8	Đầu tư, trang bị Hệ thống hội nghị truyền hình cho các xã phía tây tỉnh (dự kiến 30 xã)	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	13			13		x	x				
9	Hệ thống phần mềm đặt lịch hẹn giải quyết TTHC online qua ứng dụng mobile (app), web; và Kiot cấp số tự động cho Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	15					x	x				

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Phòng, đơn vị chủ trì	Tổng mức kinh phí	Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn SN ĐP	Nguồn vốn khác (DN, PPP, ODA,...)	Phân kỳ thời gian triển khai					Chủ trương
				NSTW	NSDP			2026	2027	2028	2029	2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I.2	Phát triển, hoàn thiện các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số												
1	Thuê dịch vụ CNTT; Xây dựng; nâng cấp; duy trì các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở	100			100		x	x	x	x	x	
2	Số hóa tài liệu; tạo lập cơ sở dữ liệu	Văn phòng sở	1			1		x	x	x	x	x	
3	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức kỹ năng số	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	0,7			0,7		x	x	x	x	x	
4	Bồi dưỡng đội ngũ chuyên trách CNTT, CDS	Phòng Bưu chính – Viễn thông và	5			5		x	x	x	x	x	

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Phòng, đơn vị chủ trì	Tổng mức kinh phí	Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn SN ĐP	Nguồn vốn khác (DN, PPP, ODA,...)	Phân kỳ thời gian triển khai					Chủ trương
				NSTW	NSDP			2026	2027	2028	2029	2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
		Chuyển đổi số											
5	CSDL ngành khoa học và công nghệ	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	4			4		x	x	x			
6	Nâng cấp, duy trì Hệ thống phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại CQNN các cấp và Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	1,5			1,5		x	x	x	x	x	Thông tư 05/2025/TT-BNV ngày 14/05/2025 và Thông tư 06/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 08/4/2025 và Kế hoạch số

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Phòng, đơn vị chủ trì	Tổng mức kinh phí	Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn SN ĐP	Nguồn vốn khác (DN, PPP, ODA,...)	Phân kỳ thời gian triển khai					Chủ trương
				NSTW	NSDP			2026	2027	2028	2029	2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													77/KH-UBND ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh
7	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Sở	0,2			0,2		x	x	x	x	x	
I.3	Bảo đảm an ninh mạng												
1	Trang bị, duy trì, cập nhật hệ thống tường lửa cho hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	3			3		x	x	x	x	x	
4	Triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin thuộc	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới	2			2		x	x	x	x	x	

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Phòng, đơn vị chủ trì	Tổng mức kinh phí	Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn SN ĐP	Nguồn vốn khác (DN, PPP, ODA,...)	Phân kỳ thời gian triển khai					Chủ trương
				NSTW	NSDP			2026	2027	2028	2029	2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Sở Khoa học và Công nghệ	sáng tạo											
II	Phát triển Kinh tế số												
1	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	2			2		x	x	x	x	x	
2	Triển khai bồi dưỡng, tập huấn về Bộ chỉ số DBI, giới thiệu Hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số cho các doanh nghiệp	Phòng Bưu chính – Viễn thông và Chuyển đổi số	0,5			0,5		x	x	x	x	x	
III	Phát triển Xã hội số												
1	Phổ cập kỹ năng số cho 70% dân số, triển khai chương trình “bình dân	Phòng Bưu chính – Viễn thông và	1			1		x	x	x	x	x	

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Phòng, đơn vị chủ trì	Tổng mức kinh phí	Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn SN ĐP	Nguồn vốn khác (DN, PPP, ODA,...)	Phân kỳ thời gian triển khai					Chủ trương
				NSTW	NSDP			2026	2027	2028	2029	2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	học vụ số”	Chuyển đổi số											
2	Truyền thông – thay đổi nhận thức, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số, lan tỏa xã hội số	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	5,7			5,7		x	x	x	x	x	
3	Xây dựng CSDL tiếng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi (các dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum cũ), nhằm bảo tồn văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết; hỗ trợ ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số để học tập, phát triển kinh tế, đời sống xã hội.	Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo	2			2		x	x				